

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 05 – 02 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Liệt  
Ông Ngô Văn Khon

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thành N, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 783, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Huỳnh Hoàng K, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Ông Phạm Thành N trình bày:**

Vào năm 2018, ông Huỳnh Hoàng K có hỏi mượn của ông Phạm Thành N số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) để làm ăn. Khi đó, ông K có hứa nếu ông N cần thì sẽ trả lại tiền cho ông N. Đến khoảng tháng (không nhớ rõ) của năm 2020, ông N có yêu cầu ông K trả lại số tiền đã mượn nhưng ông K cố tình trốn tránh. Ông N làm tường trình gửi Ủy ban nhân dân xã Tân Huê để hòa giải và Ủy ban có mời ông K đến hòa giải thì ông K hẹn trong

thời gian 01 tuần lễ để giải quyết việc trả nợ với ông N. Nhưng đến nay đã hơn 01 tháng ông K vẫn cố tình trốn tránh không đồng ý trả nợ cho ông N.

Nay, ông Phạm Thành N yêu cầu ông Huỳnh Hoàng K trả số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi và không đồng ý cho ông K thời hạn một năm mới thực hiện việc trả nợ cho ông N.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020 và Biên bản hòa giải ngày 30/11/2020, ông Huỳnh Hoàng K trình bày:*

Vào năm 2018, ông Huỳnh Hoàng K có vay của ông Phạm Thành N số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, không xác định thời hạn vay. Từ khi vay tiền cho đến nay thì ông K không trả số tiền vốn nào cho ông N.

Nay ông K đồng ý trả cho ông N số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng nhưng do tình hình kinh tế hiện tại của ông K gặp nhiều khó khăn, vì vậy ông K đề nghị ông N cho thời hạn một năm để ông K xoay sở có tiền trả cho ông N.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn ông N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông K chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

*Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Hoàng K trả cho ông Phạm Thành N số tiền vay là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Biên nhận tiền không đề ngày (bản chính); Biên bản lấy lời khai ông K ngày 30/11/2020.

*Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Bị đơn ông K thừa nhận vào năm 2018, ông K có vay của ông N số tiền là 170.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không xác định thời hạn vay. Từ khi vay tiền cho đến nay, ông K chưa trả được cho ông N số tiền vay nào. Ông K đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án, đồng thời ông K không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Hoàng K cư trú tại ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Phạm Thành N về việc yêu cầu ông Huỳnh Hoàng K trả số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi và không đồng ý cho ông K thời hạn một năm mới thực hiện việc trả nợ cho ông N.

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông N và ông K là hoàn toàn tự nguyện. Ông N trình bày, vào năm 2018 có cho ông K vay số tiền là 170.000.000 đồng để làm ăn, không thỏa thuận lãi suất, không xác định thời hạn trả, chỉ thỏa thuận khi nào ông N cần thì ông K sẽ trả tiền lại cho ông N, có lập biên nhận nhận tiền do ông K ký tên. Qua Biên bản hòa giải ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Tân Huê thể hiện nội dung ông N đã thông báo cho ông K trong thời gian 30 ngày kể từ ngày hòa giải để ông K thực hiện việc trả nợ cho ông N. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020, ông K xác định vào khoảng năm 2018, ông K có vay của ông N số tiền là 170.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và không xác định thời hạn trả nợ và thừa nhận có trách nhiệm trả nợ vay. Mặt khác, ông K cho rằng từ khi vay tiền cho đến nay, ông K không thanh toán được cho ông N khoản tiền vốn nào, nên ông K phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông N là có căn cứ pháp luật.

Do đó, ông N yêu cầu ông K có trách nhiệm trả cho ông N số tiền vốn vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi và không đồng ý cho ông K thời hạn một năm mới thực hiện việc trả nợ cho ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N nên ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh N.

Buộc ông Huỳnh Hoàng K trả cho ông N số tiền vốn vay là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc ông Huỳnh Hoàng K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả cho ông Phạm Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0002224 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Liệt – Ngô Văn Khon**

**Trần Xuân Nữ**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Xuân Nữ**